TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 75/2023/DS - ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2023.
"V/v tranh *chấp hợp đồng* mua *bán tài sản"*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Nguyễn Xuân Trường.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà*: Bà Giản Thị Chung – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 198/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 08 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987.
  Địa chỉ: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*
- **Bị đơn**: Ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P.
  Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt không lý do)*
- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Văn Y, sinh 1991.
  Địa chỉ: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo* đơn *khởi kiện ngày 17/07/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H* trình *bày:*

Gia đình tôi mở đại lý bán cám thức ăn gia súc, nên vợ chồng ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P có mua cám chăn nuôi heo của đại lý tôi từ cuối năm 2021, chúng tôi thỏa thuận cho nợ tiền hàng, do ông H1 nợ tiền hàng nhiều không trả, nên gia đình tôi không tiếp tục giao hàng cho ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P. Đến ngày 12/06/2023 chồng tôi (Y và ông H1 bà P đã đối chiếu chốt lại số nợ, theo đó ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P còn nợ tiền cám tổng cộng là 82.960.000 đồng, ông H1 bà P cùng ký vào sổ ghi nợ và chúng tôi cho 15 ngày sẽ trả hết số tiền trên. Tuy nhiên, đến nay ông H1 bà P chưa trả cho gia đình tôi số tiền này, nên chúng tôi khởi kiện. Đề nghị

Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông H1bà P trả cho chúng tôi số tiền nợ cám là 82.960.000 đồng.

**Tại các biên bản làm việc tại Tòa án, đồng bị đơn ông* Hoàng Văn H1 *và bà* Bùi Thị P *trình bày:*

Vợ chồng tôi (H1+ P và ông Nguyễn Văn Y (chồng bà H là chỗ làm ăn với nhau. Chúng tôi chăn nuôi heo nên ông Y có cho vợ chồng tôi lấy cám đầu tư để chăn nuôi với hình thức lấy cám về nuôi heo trước, khi nào xuất heo thì trả tiền, khi mua cám thì sổ do ông Nguyễn Văn Y trực tiếp ghi và vợ chồng tôi có ký vào sổ, các chữ ký trong sổ do bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp là chữ ký của vợ chồng tôi. Thời gian đầu hợp tác làm ăn thì chúng tôi đều thanh toán tiền cám đầy đủ. Đến khoảng tháng 06/2023 do chăn nuôi gặp khó khăn, chúng tôi chưa thanh toán kịp thì ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị Thu H cắt không đầu tư cám cho chúng tôi nữa. Chúng tôi xác nhận còn nợ gia đình bà Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn Y tiền cám là 82.960.000 đồng. Cuối tháng 06/2023 vợ chồng tôi có mang 20.000.000 đồng để trả trước. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Y từ chối nhận và yêu cầu chúng tôi trả đủ, do khó khăn nên chúng tôi xin trả dần nhưng ông Nguyễn Văn Y không đồng ý và đã khởi kiện. Nguyện vọng của chúng tôi xin được trả dần số tiền nợ này.

**Tại các biên bản làm việc, tại phiên tòa* người *có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn* Y trình *bày:*

Tôi (Y với bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng với nhau. Qua phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày ở trên tôi hoàn toàn thống nhất không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn H1 bà Bùi Thị P phải trả cho chúng tôi số tiền còn nợ 82.960.000 đồng (T mươi *hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).*

Phần tranh luận

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Hoàng Văn H1, bà Bùi Thị P phải trả số tiền còn nợ 82.960.000 đồng.

Đồng bị đơn vắng mặt, nên không có ý kiến tranh luận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

-*Về tố tụng*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, người liên quan đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 đến Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm các quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-*Về nội dung*: Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, Kiểm sát viên Kết luận: Ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong việc mua bán cám.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc

ông Hoàng Văn H1 bà Bùi Thị P phải trả số tiền mua cám còn nợ lại là 82.960.000 đồng.*(Tám mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. *Xét về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện, bị đơn ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P cư trú tại Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, do vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. *Xét về nội dung*:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ các bên đương sự đều thừa nhận, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P có mua cám chăn nuôi heo của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Y và còn nợ tiền cám còn lại là 82.960.000 đồng là có thật. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P cho rằng, do chăn nuôi gặp khó khăn chưa thanh toán kịp tiền cám, nên bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Y cắt và không đầu tư cám nữa, sau khi chốt nợ bà Bùi Thị P có mang số tiền 20.000.000 đồng đến trả nhưng ông Nguyễn Văn Y không nhận và yêu cầu ông H1 bà P phải trả đủ số tiền còn nợ. Do hiện ông H1 bà P đang gặp khó khăn và xin được trả dần số tiền này, nhưng không được bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Y chấp nhận, ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cần buộc ông Hoàng Văn H1 bà Bùi Thị P phải có trách nhiệm số tiền còn nợ là 82.960.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét về tiền lãi suất, nên về lãi suất không đặt ra giải quyết tại phiên tòa.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được chấp nhận, nên ông Hoàng Văn H1 và bà Bùi Thị P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối số tiền phải trả. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430; Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc ông Hoàng Văn H1, bà Bùi Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn Y số tiền mua cám còn nợ là 82.960.000 đồng. *(Tám mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn H1, bà Bùi Thị P phải nộp 4.148.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch *(Theo mức 5% x là 82.960.000 đồng).*

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.074.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số 0001205 ngày 28/7/2023

Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi *hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật* thi *hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại* Điều *30 Luật Thi hành án dân sự".*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *Thi hành án DS huyện Ea Kar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*